

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2025/DS-PT

Ngày 20-8-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 356/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc P, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hoàng A, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh).

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Hoàng A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Ngọc P trình bày như sau:

Do quen biết, giữa bà P và bà Võ Thị Hoàng A có chơi hụi qua lại với nhau và bà P cho bà A vay tiền. Đến ngày 02/3/2025, sau khi hai bên ngồi lại thì bà Võ Thị Hoàng A có thiếu của bà P tổng cộng số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Lãi suất do hai bên thoả thuận miệng là 20%/tháng.

Hai bên thỏa thuận đến ngày 06/3/2025 thì bà A sẽ trả cho bà P số tiền này. Các bên có lập giấy mượn tiền (giấy tay) cùng ngày 02/3/2025.

Tuy nhiên, đến nay, bà A vẫn chưa trả cho bà P bất cứ khoản tiền nào (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) theo giấy mượn tiền, mặc dù, bà P đã nhiều lần nhắc nhở.

Nhận thấy hành vi của bà A đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P nên bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà A có trách nhiệm trả cho bà P số tiền đã vay là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, và P không yêu cầu chồng bà A cùng liên đới với bà A trả cho bà P số tiền này.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/3/2025, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị Hoàng A trình bày:

Bà và bà P có chơi hội qua lại với nhau và bà cũng có vay tiền từ bà P. Cụ thể các giao dịch như sau:

- Về hội:

Bà P tham gia hội của bà A với dây hội mở ngày 09/11/2023 (âm lịch), tham gia 3 phần, 1 phần 5.000.000 đồng/tháng, có 14 hội viên. Bà P đóng được 12 kỳ, sau khi trừ tiền thảo hội và tiền 02 phần hội chết. Bà A còn nợ bà P số tiền 142.500.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 82.500.000 đồng và tiền lãi hội là 60.000.000 đồng).

Dây hội mở ngày 09/5/2024 (âm lịch), 5.000.000 đồng/tháng, có 12 hội viên, bà P tham gia 3 phần và đã đóng được 06 kỳ. Như vậy, bà A thiếu bà P 62.400.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, thực chất bà P có trừ tiền lãi 03 tháng (tháng 7, 8, 9 năm 2024) của số tiền vay 100.000.000 đồng là 45.000.000 đồng. Như vậy, bà P chỉ đóng hội cho bà A số tiền 17.600.000 đồng.

- Về tiền vay: Vào 15/9/2024, bà A vay của bà P số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, thời hạn trả không ghi, nhưng hai bên thỏa thuận, khi nào bà P yêu cầu thì bà A sẽ trả. Mỗi tháng bà A trả cho P số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi, trả bằng tiền mặt. Từ ngày 15/10/2024 đến ngày 15/12/2024, bà A không trả lãi, bà P cộng dồn lãi là 52.500.000 đồng.

Sau đó, ngày 01/3/2025, bà P đến thỏa thuận mua nhà bà A, bà P chuyển khoản 15.000.000 đồng và đưa tiền mặt 5.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng.

Như vậy, bà A nhận thực chất của bà P là 224.900.000 đồng (bao gồm 100.000.000 đồng tiền vay, 20.000.000 đồng tiền mượn sau khi ký hợp đồng đặt cọc, 82.500.000 đồng tiền hội và 17.600.000 đồng và 01 số tiền nợ khác).

Nay bà P yêu cầu bà trả số tiền 420.000.000 đồng thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền 224.900.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Võ Thị Hoàng A.

Buộc bà Võ Thị Hoàng A có trách nhiệm trả cho bà Trần Ngọc P số tiền vay là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 09/5/2025, Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà nhận được đơn kháng cáo của bà Võ Thị Hoàng A là bị đơn, kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Nam H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chỉ đồng ý trả nguyên đơn 224.900.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung thêm như sau:

Bị đơn bà Võ Thị Hoàng A trình bày:

Bà thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 02/3/2025 là của bà và ông H viết và ký tên, thừa nhận có quan hệ vay mượn và góp hụi với bà P nhưng số tiền còn nợ thực tế chỉ là 224.900.000 đồng, không phải 420.000.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện. Bản án sơ thẩm buộc bà phải trả toàn bộ số tiền 420.000.000 đồng là chưa khách quan, chưa xem xét đầy đủ chứng cứ và tình tiết của vụ án. Đặc biệt, Tòa án sơ thẩm không đưa chồng bà là ông Nguyễn Nam H tham gia tố tụng, trong khi ông H có cùng vay 100.000.000 đồng, có ký tên trong giấy chót nợ và có ý kiến xác nhận. Việc bỏ sót này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà A. Do đó, bà A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Ngọc P trình bày: Ngày 02/3/2025, bà A và bà đổi chiếu nợ và lập giấy mượn tiền (giấy tay) thống nhất bà A thiếu của bà P tổng cộng số tiền 420.000.000 đồng. Lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng là 20%/tháng, hạn trả là ngày 06/3/2025. Tuy nhiên, đến nay, bà A vẫn chưa trả cho bà P bất cứ khoản tiền nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A có trách nhiệm trả cho bà P số tiền đã vay là 420.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất. Bà không yêu cầu ông H cùng liên đới với bà A trả cho bà P số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Xét kháng cáo của bị đơn Võ Thị Hoàng A, thấy rằng: tại “Giấy cam kết mượn tiền” có ông Nguyễn Hồng N ký với tư cách người làm chứng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chỉ khởi kiện bà A và các đương sự đều không yêu cầu đưa thêm người khác tham gia tố tụng, nên việc Tòa án không đưa ông H vào tham gia tố tụng là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã ban hành các quyết định áp dụng, sửa chữa biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP B nhưng chưa lấy ý kiến của Ngân hàng và bản án sơ thẩm cũng chưa đề cập, đây là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Về nội dung, “Giấy cam kết mượn tiền” ngày 02/3/2025 xác định bà A nợ bà P 420.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 06/3/2025. Đến nay bà A chưa trả, vi phạm nghĩa vụ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Lời trình bày của bà A về việc chỉ còn nợ 224.900.000 đồng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, bản án sơ thẩm buộc bà A trả 420.000.000 đồng cho bà P là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa phần tuyên án bổ sung nội dung về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Hoàng A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Bị đơn Võ Thị Hoàng A kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là ông Nguyễn Hồng N. Xét thấy, “Giấy cam kết mượn tiền” lập ngày 02/3/2025 thể hiện chỉ bà Võ Thị Hoàng A ký nhận nợ đối với bà Trần Ngọc P; ông Nguyễn Hồng N chỉ ký với tư cách người làm chứng, không phải là một bên tham gia giao dịch vay tiền, cũng không đăng ký kết hôn với bà A. Tại

phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi, cả bà P và bà A đều không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng; nguyên đơn không yêu cầu buộc ông H liên đới. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không xuất trình được tài liệu nào cho thấy ông H là người có nghĩa vụ trong giao dịch vay tiền. Vì vậy, cấp sơ thẩm không đưa ông H tham gia tố tụng là đúng pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nên nội dung kháng cáo này là không có căn cứ.

[3.2] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 11/3/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 80/2025/QĐ-SCBSQĐ ngày 25/3/2025 phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với phần giá trị còn lại quyền sử dụng đất thửa 1453, 1454 đang thế chấp tại ngân hàng TMCP B sau khi Ngân hàng xử lý hoàn tất khoản nợ vay; áp dụng phong tỏa số tiền 100.000.000 đồng của bà Trần Ngọc P tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh B1 nhưng chưa cập nhật vào bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm sửa cách tuyên án, cập nhật phần này vào bản án phúc thẩm.

[3.3] Xét kháng cáo của bà A về số tiền nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào “Giấy cam kết mượn tiền” lập ngày 02/3/2025, có chữ ký của bà A, thể hiện rõ nội dung bà A xác nhận nợ bà P 420.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 06/3/2025. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là giao dịch hợp đồng vay tài sản và buộc bà A phải có nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự 2015. Bà A trình bày về khoản nợ thực tế chỉ còn 224.900.000 đồng nhưng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh và cũng không được bà P chấp thuận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đúng khi buộc bà A phải chịu trách nhiệm với toàn bộ khoản nợ đã ký nhận.

[4] Từ những phân tích trên, bị đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm về tuyên án như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Hoàng A phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Hoàng A.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26 và 29 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Võ Thị Hoàng A.

Buộc bà Võ Thị Hoàng A có trách nhiệm trả cho bà Trần Ngọc P số tiền vay là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 11/3/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 80/2025/QĐ-SCBSQĐ ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa cho đến khi thi hành án xong bản án này.

Bà Trần Ngọc P đã nộp số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh B1 theo số tài khoản 6612683527371. Số tiền này được hoàn trả cho bà Trần Ngọc P khi Tòa án ra quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Hoàng A phải chịu 20.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Ngọc P số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 10.400.000 đồng theo biên lai thu số 0010241 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị Hoàng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006900 ngày 09/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; bà A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 3 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc